TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ - ST.
Ngày 03- 7 - 2023.
V/v tranh chấp: "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - HÀ NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Duy.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.
- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - là thư ký tòa án thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1983.

*** Bị đơn:** Anh Bùi Đại V, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Tổ 12, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*(*Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Bùi Đại V đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 9 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn do cả hai không có công việc ổn định, kinh tế khó khăn nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ. Đến năm 2014 cả chị T và anh V đều vi phạm pháp luật và phải đi thi hành án phạt tù ở hai trại giam khác nhau. Do thời gian thi hành án dài, ít được liên lạc, vợ chồng xa cách nên tình cảm cũng không còn sâu sắc. Năm 2019, chị T hết thời hạn án chấp hành án phạt tù trở về địa phương trước anh V, một mình làm ăn sinh sống nuôi con. Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2023 chị T cũng chỉ vào trong trại

thăm anh V được một lần. Đến nay anh V đã chấp hành xong án phạt tù, vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị T thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và chị cũng không còn tình cảm dành cho anh V, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là cháu Bùi Đại Nhất L, sinh ngày 25/11/2010. Khi vợ chồng ly hôn chị T tự nguyện giao con chung cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Việt.

- Về con riêng, con nuôi: Không có.

- Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Bùi Đại V công nhận về ngày tháng, địa điểm kết hôn, về con chung như chị T khai là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống xa nhau do cả hai cùng phải đi chấp hành hình phạt tù ở hai trại giam khác nhau. Tuy nhiên trong khoảng thời gian đó cả hai vẫn thường xuyên liên lạc. Nay vợ chồng đoàn tụ anh V có mong muốn cả hai cùng nhau làm ăn nuôi dạy con chung, xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh V không đồng ý. Nếu phải ly hôn anh V có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Bùi Đại Nhất L và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

- Về con riêng, con nuôi: Không có.

- Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Bùi Đại V đã được Tòa án tống đạt, thông báo hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định đúng quy định; tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Đại V.

- Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Bùi Đại Nhất L, sinh ngày 25/11/2010 cho anh V được tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V. Anh V được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh V và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

- Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Bùi Đại V có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 12, phường H, thành phố P. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Bùi Đại V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn vắng mặt có lý do và đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/9/2009 tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù cuộc hôn nhân giữa chị T và anh V kéo dài đến nay là 14 năm nhưng thời gian sống chung là rất ít vì cả hai phải đi thi hành án phạt tù vì vậy vợ chồng không có cơ hội quan tâm, chia sẻ những buồn vui, khó khăn trong cuộc sống khiến tình cảm trở nên lạnh nhạt. Đến nay khi cả hai đã được tự do, có điều kiện để chung sống cùng nhau thì chị T lại nhận thấy không còn tình cảm dành cho anh V. Chị T đã chủ động chuyển đến nơi ở khác vì không còn muốn chung sống với anh V. Anh V cũng đã níu kéo, thuyết

phục và thể hiện rõ mong muốn được cùng chị T làm lại cuộc đời, vợ chồng cùng nhau làm ăn chăm sóc con chung, xây dựng gia đình hạnh phúc. Trước nguyện vọng của anh V, Tòa án án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T vẫn giữ nguyên quan điểm và mong muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không thể đoàn tụ được, nên xử cho chị T ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung cháu Bùi Đại Nhất L, sinh ngày 25/11/2010. Khi ly hôn, anh V có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T cũng tự nguyện giao cháu L cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng vì vậy cần giao cháu L cho anh V được chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

- Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có con nuôi, con riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Bùi Đại V.

[2] Về con chung: Giao anh Bùi Đại V được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Đại Nhất L, sinh ngày 25/11/2010 cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Việt.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở

người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về con nuôi, con riêng, tài sản chung và công nợ chung: Chị T, anh V xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị T được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001614 ngày 01/03/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Chị T, anh V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường H, TP P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Duy